

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH P**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/DS - PT

Ngày 24 - 3 - 2022

“V/v Tranh chấp đất đai”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trường S

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Thu Huyền.

Ông Nguyễn Việt Tiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 N 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh P tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ L số:55/2021/TLPT- DS ngày 21 tháng 10 N 2021 về việc “Tranh chấp đất đai”.Do bản án dân sự sơ thẩm số:12/2021/DS-ST ngày 13/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện P bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 91/2021/QĐPT- DS ngày 27 tháng 12 N 2021 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh N 1961 (có mặt).

Địa chỉ: Khu 3, xã P, huyện P, tỉnh P.

+ Người B vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H: Luật sư Phạm Tuấn Anh và luật sư Lê Hữu Lê - Công ty Luật Hợp danh Hùng Vương P - Đoàn luật sư tỉnh P (đều có mặt).

2 - Bị đơn: Anh Nguyễn Duy P, sinh N 1980 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khu 5, xã P, huyện P, tỉnh P.

+ Người B vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh P: Luật sư Tạ Gia Lương -

Văn phòng Luật sư P và Cộng sự - Đoàn luật sư tỉnh P (có mặt).

3 - Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: (Tòa án không triệu tập).

- Bà Nguyễn Thị L, sinh N 1963 (bà có mặt).

Địa chỉ: Khu 3, xã P, huyện P, tỉnh P.

- Chị Nguyễn Thị Minh N, sinh N 1982.

Địa chỉ: Khu 5, xã P, huyện P, tỉnh P.

- UBND huyện P, tỉnh P: Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến S – Phó phòng Tài nguyên và môi trường huyện P.

- UBND xã P: Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Trung K – Công chức địa chính .

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn H - nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và vợ là bà Nguyễn Thị L trình bày: Thực hiện chủ trương, chính sách của Nhà nước từ N 1989, Hợp tác xã Nông nghiệp có chia đất trồng hoa màu và đất gieo mạ cho từng gia đình theo nhân khẩu và lao động cho nhân dân xã P. Gia đình ông được giao đất ở vị trí Gò Đương, Ao Vắn, khu 5, xã P, huyện P, tỉnh P. N 2015 vợ chồng ông có mua thêm một số mảnh đất liền kề giáp với thửa đất của gia đình ông, cụ thể mua đất của ông Kiều Xuân A thửa số 1374 diện tích 6m², thửa số 28 diện tích 30m². Khi vợ chồng ông mua đất của ông A trên đất ông A có trồng một số cây như cây chầu, trà, sấu. Mua của bà Kiều Thị N thửa số 46 diện tích 52,4m² (đất màu). Khi mua bán các bên chỉ làm giấy viết tay, không có xác nhận của chính quyền đại P. Ngoài ra vợ chồng ông còn nhận chuyển nhượng đất màu của hộ bà Lê Thị B, bà Nguyễn Thị B, ông Ngô Văn L, bà Ngô Thị B, ông Nguyễn Văn T (diện tích đất mua của những hộ này hiện nay không có tranh chấp gì). Trên thửa đất ông bà nhận chuyển nhượng của bà N, bà N có trồng rau sau đó vợ chồng ông có trồng bạch đàn nhưng hiện nay trên đất chỉ còn 02 cây chàm. Trên 02 thửa đất vợ chồng ông nhận chuyển nhượng từ ông A, ông A có trồng cây xoan, cây chầu, và cây sấu Kể từ khi mua bán đất và được giao đất gia đình ông vẫn quản lý sử dụng ổn định từ đó đến nay. Số diện tích đất được chia và mua của các hộ trên thì gia đình ông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất gia đình ông có trồng hoa màu và trồng cây lâu N. Đến N 2016 vợ chồng ông phát hiện ông Nguyễn Duy P đã lấn chiếm của gia đình ông

là **88,4m²** đất (cụ thể là lần chiếm thửa đất ông mua của ông A: thửa số 28 diện tích 30m² và thửa số 1374 diện tích 6m²; thửa đất mua của bà N: thửa số 46 diện tích 52,4m²), hiện ông P đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất đã lần chiếm của gia đình ông. Đồng thời ông P đã chặt phá 01 cây sấu của gia đình ông trên phần đất ông nhận chuyển nhượng từ ông A trị giá 120.000.000 đồng. Ông đã làm đơn ra UBND xã P, huyện P, tỉnh P để yêu cầu ông P trả lại đất đã lần chiếm của gia đình ông, UBND xã P đã tiến hành hòa giải giữa hai gia đình nhưng không thành.

Vợ chồng ông bà cũng thừa nhận tại thời điểm ông bà nhận chuyển nhượng diện tích đất trên từ ông A và bà N ông bà không xác định được diện tích đất nhận chuyển nhượng cụ thể là bao nhiêu mét vuông, ranh giới từ đâu đến đâu và thuộc thửa số bao nhiêu theo bản đồ 299. Việc ông ghi diện tích các thửa đất 28, 46, 1374 như tại Đơn khởi kiện và Biên bản ghi lời khai là do ông căn cứ vào sổ thửa và diện tích trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh P (BL 247, 248, 180, 181, 150....).

Ngày 07/12/2020 ông H rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể rút yêu cầu buộc anh P phải bồi thường giá trị một cây sấu là 120.000.000 đồng và đề nghị TAND huyện P giải quyết buộc ông Nguyễn Duy P phải:

- Trả lại cho gia đình ông tổng diện tích đất trồng cây hàng N là 88,4m² thuộc 03 thửa đất số 28: 30m²; thửa số 1374: 6m² và thửa số 46: 52,4m²), tờ bản đồ số 52 tại khu 5, xã P, huyện P, tỉnh P.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD763914 cấp ngày 27/7/2016 tên Nguyễn Duy P và chị Nguyễn Thị Minh N (đơn khởi kiện BL 21, lời khai ông H BL 40, biên bản hòa giải BL 63, lời khai bà L BL 45...).

*** Bị đơn anh Nguyễn Duy P và vợ là chị Nguyễn Thị Minh N trình bày:**
Gia đình anh chị có các thửa đất màu số 28 với diện tích 42,3m²; thửa đất số 46 diện tích 52,4m²; thửa đất số 1374 với diện tích 10,3m² (các thửa đất trên đều thuộc tờ bản đồ số 52 tại Khu 5, xã P, huyện P, tỉnh P). Nguồn gốc các thửa đất hình thành như sau:

Khoảng N 2011 vợ chồng anh được UBND huyện P giao cho sử dụng khoảng 296m² đất thổ cư để làm nhà ở tại khu 5, xã P, huyện P, tỉnh P. Sau khi được giao đất vợ chồng anh đã làm nhà ở trên đất từ đó cho đến nay. Để tiện cho việc canh tác vợ chồng anh có mua một số thửa đất trồng cây hàng N khác và đất trồng lúa. Trong đó có 03 thửa đất trồng cây hàng N là thửa số 28, thửa số 46, thửa số 1374. Cụ thể mua của những người sau:

- Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 52 diện tích 43,2m² mua của 2 ông Nguyễn Đình Trước, Nguyễn Đình Võ vào N 2015 (việc mua bán này có giấy tờ viết tay).

- Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 52 diện tích 52,4m² vợ chồng anh mua của ông Nguyễn Văn N (khu 3, xã P) và ông Nguyễn Văn Lộc (khu 5, xã P) vào N 2012 việc mua bán có giấy tờ viết tay. Ông Nguyễn Văn N là con trai của bà Kiều Thị N, còn ông Lộc không có quan hệ với bà N.

- Thửa đất 1374, tờ bản đồ số 52 với diện tích 10,3m² vợ chồng anh mua của vợ chồng anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị Phụng N 2012 (địa chỉ ở Khu 6, xã P). Việc mua bán giữa hai bên không có giấy tờ gì.

Từ khi vợ chồng anh nhận chuyển nhượng 03 thửa đất trên vợ chồng anh vẫn canh tác liên tục và trồng rau, trồng cỏ, trồng chuối. Đối với thửa đất số 28 và thửa đất số 46 ngay sau khi nhận chuyển nhượng vợ chồng anh có đóng cọc bê tông để xác định mốc giới. Đối với thửa đất 1374 diện tích nhỏ nên anh chỉ rạch rãnh phân chia ranh giới đánh dấu. Ba thửa đất này của gia đình anh giáp với các thửa đất của ông H (vì anh có thấy ông H thỉnh thoảng vào canh tác trên đất sát 03 mảnh đất gia đình anh). Ngày 27/7/2016 vợ chồng anh được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD763914 đối với 03 thửa đất trên và các thửa đất khác (BL 50, 100 -103).

Nay ông Nguyễn Văn H khởi kiện đối với anh và yêu cầu anh phải trả cho ông tổng 88,4m² đất màu, vợ chồng anh, không nhất trí vì vợ chồng anh mua và đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

*** Ông Nguyễn Văn N trình bày:** Mẹ ông là bà Kiều Thị N bán đất ruộng cho ông H, thì ông N là người nhận tiền, nhưng nay đã quá lâu, các hộ canh tác đã cuốc mất bờ ruộng, hiện trạng đã thay đổi quá nhiều nên ra thực địa tôi cũng không thể xác định được đâu là ruộng mẹ ông đã bán cho ông H và đâu là thửa ruộng mà tôi đã bán cho anh P.... (BL 195,196,144).

*** Đại diện UBND xã Trình bày:** Nguồn gốc thửa đất số: 28, 46, 1374, tờ bản đồ số: 52 (bản đồ địa chính xác nhận N 2016) tại khu 5, xã P là đất đám mạ do Hợp tác xã P giao cho các hộ dân sử dụng nhưng không có quyết định giao đất. Nay theo bản đồ địa chính xác nhận N 2016 là đất trồng cây hàng N khác.

Trong quá trình chỉnh L bản đồ N 2001, do các chủ sử dụng thực tế không kê khai tên nên đơn vị tư vấn đã kê khai chủ sử dụng là: UBND xã P. Căn cứ hồ sơ địa chính N 2001, UBND xã không nắm được tên các chủ sử dụng đất trên thực tế. Theo hồ sơ quản L của UBND xã P thì khu đất này không thuộc quỹ đất công ích của xã.

Đối chiếu giữa hồ sơ địa chính N 2001 và hồ sơ địa chính N 2016 cho thấy: thửa đất số: 28, 1374, tờ bản đồ số 52 (bản đồ địa chính N 2016) được tách ra từ một phần thửa đất số: 161, tờ bản đồ số: 17 (bản đồ địa chính N 2001). Thửa số 46 được tách ra từ một phần thửa đất số 160, tờ bản đồ số 17 (Bản đồ địa chính N 2001).

Trong quá trình sử dụng đất có hiện tượng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các hộ dân với nhau nhưng không qua UBND xã, UBND xã cũng không biết được chính xác các hộ nào mua bán với nhau. Khi giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông Nguyễn Văn H và anh Nguyễn Duy P thì cả hai hộ đều nói là mua bán của các hộ dân xã Pnhưng không có xác nhận của UBND xã nên việc mua bán có xảy ra giữa các hộ hay không thì UBND xã Pcũng không nắm được.

N 2016, hộ gia đình anh P có đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất nông nghiệp tại khu vực Gò Đường xã Pvà đã được UBND huyện Pcấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong thời gian công khai hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Duy P, UBND xã không nhận được bất cứ khiếu nại hay thắc mắc gì của các hộ dân xã P.

Đối với phần diện tích đất ông H xác định trên thực địa là do ông nhận chuyển nhượng của ông Kiều Xuân A hiện nay đang tồn tại một số cây lấy gỗ là đất mái ta luy của đường giao thông, không thuộc quyền sử dụng của bất cứ hộ dân nào. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật (BL 66-69).

*** Đại diện UBND huyện Ptrình bày:** N 2016 UBND huyện Pnhận được hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ anh Nguyễn Duy P và chị Nguyễn Thị Minh N đối với các thửa đất trồng cây hàng N cụ thể: Thửa số 28, 46 1374 tờ bản đồ số 52 và các thửa đất khác tại khu 5, xã P, huyện P, tỉnh P. Sau khi xem xét hồ sơ đã làm đầy đủ, đúng quy trình và đúng quy định của pháp luật, đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận QSD đất. Phòng TN&MT huyện Pđã lập tờ trình trình Chủ tịch UBND huyện Pcấp GCNQSD đất đối với các thửa đất mà vợ chồng anh P, chị N. Trong quá trình lập hồ sơ tại UBND xã Pcũng như quá trình xem xét hồ sơ tại Phòng TN&MT huyện, UBND huyện Pkhông nhận được bất cứ khiếu nại hay thắc mắc gì của các hộ dân xã Pvề việc hộ anh P kê khai cấp GCNQSD đất đối với các thửa đất này (BL 99-130).

Ủy ban nhân dân huyện Pkhẳng định việc cấp GCNQSD đất đối với các thửa đất số 28,46, 1374, tờ bản đồ số 52 và các thửa đất trồng cây hàng N khác cho hộ anh P và chị N là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục. Nay

ông Nguyễn Văn H yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đề nghị TAND giải quyết theo pháp luật (BL 153).

+ **Tại bản án dân sự** sơ thẩm số 12/2021/DSST ngày 13/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện P đã áp dụng: Điều 502 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 9, 15, 16 Điều 3, Điều 5, Điều 10, khoản 1 Điều 101, Điều 105, Điều 166, Điều 167, khoản 1 Điều 168, khoản 2 Điều 170, Điều 188 Luật đất đai N 2013; Khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 34, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án, **Xử**: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc:

- Yêu cầu anh Nguyễn Duy P phải trả lại tổng diện tích 88,4m² đất trồng cây hàng N tại khu 5, xã P, huyện P, tỉnh P.

- Đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD763914 do UBND huyện P cấp ngày 27/7/2016 đứng tên anh Nguyễn Duy P và chị Nguyễn Thị Minh N. Ngoài ra bản án còn tính án phí, chi phí tố tụng, tuyên quyền kháng cáo, quyền thỏa thuận việc thi hành án.

+ Ngày 26/8/2021 Tòa án nhân dân huyện P nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn H với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận đơn khởi kiện đòi quyền sử dụng đất của ông; yêu cầu hủy một phần Giấy CNQSDĐ của hộ anh Nguyễn Duy P; hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án (BL 274, 275).

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ L vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Các đương sự có sự chuyển nhượng đất nông nghiệp nhưng không qua chính quyền địa P, chuyển nhượng không có diện tích cụ thể, không có ranh giới, không có vị trí cụ thể nên không có căn cứ chứng minh mình đang sử dụng mà có tranh chấp nên không chấp nhận kháng cáo của ông H, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về nội dung đơn kháng cáo của Nguyễn Văn H đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận đơn khởi kiện đòi quyền sử dụng đất của ông; yêu cầu hủy một phần Giấy CNQSDĐ của hộ anh Nguyễn Duy P; hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại. Hội đồng xét xử thấy rằng tại trang 7,8,9 của bản án sơ thẩm đã nêu các đương sự đều nhận chuyển nhượng đất đám mạ do HTX nông nghiệp giao cho các hộ sử dụng. “...*Tại các Giấy mua bán đất giữa ông H và ông Kiều Xuân A, bà Kiều Thị N cũng không thể hiện diện tích đất bán, vị trí đất bán cụ thể như thế nào? Gianh giới từ đâu đến đâu mà chỉ thể hiện giá tiền, vị trí đất theo mô tả. Quá trình giải quyết vụ án, cả ông H và bà L (vợ ông H) đều thừa nhận tại thời điểm ông bà nhận chuyển nhượng đất từ ông A và bà N ông bà cũng không biết diện tích cụ thể là bao nhiêu, vị trí từ đâu đến đâu và thuộc thửa số bao nhiêu theo Bản đồ 299. Việc ông xác định các thửa đất 28, 46 và 1374 như tại Đơn khởi kiện và Biên bản ghi lời khai là căn cứ vào số thửa và diện tích trong Giấy chứng nhận QSD đất cấp cho vợ chồng anh P. Bản thân ông H là người nhận chuyển nhượng đất cũng không biết thực tế diện tích mình nhận chuyển nhượng là bao nhiêu mét vuông, vị trí và gianh giới cụ thể như thế nào...*”(BL 247, 248, 180,181,150.....).

*** Đối với ông Nguyễn Văn N trình bày:** Mẹ ông là bà Kiều Thị N bán đất ruộng cho ông H, ông N là người nhận tiền, nhưng nay đã quá lâu, các hộ canh tác đã cuốc mất bờ ruộng, hiện trạng đã thay đổi quá nhiều nên ra thực địa tôi cũng không thể xác định được đâu là ruộng mẹ ông đã bán cho ông H và đâu là thửa ruộng mà tôi đã bán cho anh P.... (BL 195,196,144).

Như vậy là các đương sự có sự chuyển nhượng đất nông nghiệp nhưng không qua chính quyền địa P, chuyển nhượng không có diện tích cụ thể, không có ranh giới, không có vị trí cụ thể, nay thì cũng chỉ được vị trí ở đâu và điều quan trọng là không chứng minh được mình đang sử dụng như thế nào mà có tranh chấp ? sử dụng từ bao giờ ? sử dụng từ đâu đến đâu ?

[2] Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc chuyển nhượng trong giấy viết tay không đúng, bà N chết ngày 20/02/2014, nhưng lại có giấy chuyển nhượng đất của bà N cho ông H ghi ngày 11/6/2015 hoặc đơn đề nghị cấp giấy CNQSDĐ của anh P ghi ngày 11/4/2015 nhưng trong giấy chuyển nhượng đất cho anh P lại ghi ngày 05/6/2015. Như vậy việc chuyển nhượng của các đương sự là không hợp pháp, tuy nhiên anh P đã sử dụng liên tục và đã đóng thuế, làm các thủ tục theo quy định của nhà nước để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất công khai từ N 2016 đến nay mà không có ai khiếu kiện thắc mắc gì (BL 99-130). Tại phiên tòa hôm nay,

ông H và người B vệ quyền lợi cho ông H không cung cấp được tài liệu, chúng cứ gì mới nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông H.

+ Trong đơn và tại phiên tòa, ông H và Luật sư B vệ quyền lợi cho ông H đề nghị giám định chữ ký của ông N và ông Lộc, tuy nhiên như đã phân tích ở phần trên, việc giám định chữ ký của họ là không cần thiết, có giám định được chữ ký của họ đúng hay sai cũng không có ý nghĩa gì trong việc giải quyết vụ án, do đó không cần giám định chữ ký của họ là phù hợp.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện VKSND tỉnh P đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm là phù hợp, cần được chấp nhận.

[4] Về án phí: Hiện nay ông H là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 502 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 9, 15, 16 Điều 3, Điều 5, Điều 10, khoản 1 Điều 101, Điều 105, Điều 166, Điều 167, khoản 1 Điều 168, khoản 2 Điều 170, Điều 188 Luật đất đai N 2013; Khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 34, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, Xử:

1- Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2 - Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc:

- Yêu cầu anh Nguyễn Duy P phải trả lại tổng diện tích 88,4m² đất trồng cây hàng N khác thuộc 03 thửa gồm: thửa 28 (30m²), thửa số 46 (52,4m²) và thửa 1374 (6m²), tờ bản đồ số 52 tại khu 5, xã P, huyện P, tỉnh P (Diện tích đất thuộc các thửa đất trên đã được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD763914 ngày 27/7/2016 đứng tên anh Nguyễn Duy P và chị Nguyễn Thị Minh N).

- Đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD763914 ngày 27/7/2016 UBND huyện P cấp cho anh Nguyễn Duy P và chị Nguyễn Thị Minh N.

3 - Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn H. Trả lại cho ông H 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số

AA/2020/0000877 ngày 31/8/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P.

- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

- *Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- TAND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ + VP;
- Lưu: án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Trường Sơn